

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:** Phòng chờ thi B1.303

Môn thi: Kỹ năng nói

Ca thi: 13h30

Ngày thi: 25/11/2021

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0133	Nguyễn Tiến Anh	07/09/1998				
2	TA0134	Hoàng Thanh Tùng	20/01/1979				
3	TA0135	Bùi Thị Vân Anh	01/06/1979				
4	TA0136	Đinh Hồng Quang	19/05/1987				
5	TA0137	Chu Lê Thu Thủy	03/06/1982				
6	TA0138	Lương Thị Thu Hà	28/04/1993				
7	TA0139	Thiều Kim Tùng	15/01/1997				
8	TA0140	Dương Quỳnh Nga	10/12/1994				
9	TA0141	Nguyễn Hồng Quân	01/10/1991				
10	TA0142	Đới Đăng Chính	27/06/1982				
11	TA0143	Nguyễn Xuân Thái	10/05/1984				
12	TA0144	Nguyễn Tiến Ngọc	01/11/1987				
13	TA0145	Uông Mai Duyên	25/04/1993				
14	TA0146	Phạm Anh Duy	07/04/1992				
15	TA0147	Nguyễn Huyền Anh	03/07/1989				
16	TA0148	Bùi Viết Vương	06/03/1990				
17	TA0149	Nguyễn Văn Quyền	05/12/1990				
18	TA0150	Nguyễn Thị Dung	10/13/1986				
19	TA0151	Đặng Thế Anh	06/06/1995				
20	TA0152	Đỗ Thanh An	09/12/1987				
21	TA0153	Phạm Đoàn Kết	08/12/1978				
22	TA0154	Nguyễn Ngọc Xuyên	08/6/1996				
23	TA0155	Lê Hoài Yên	29/03/1987				
24	TA0156	Nguyễn Thị Thu Thủy	25/01/1985				
25	TA0157	Nguyễn Văn Quyền	20/11/1987				
26	TA0158	Nguyễn Tài Hiếu	25/04/1992				

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ chấm thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)